

## Đánh giá Cơ hội Phục hồi Cảnh quan rừng Quảng Trị, Việt Nam

Nằm trong khu vực phi quân sự ở miền Trung Việt Nam, tỉnh Quảng Trị đã từng bị tàn phá nặng nề trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ. Sau quá trình cải cách kinh tế được diễn ra vào cuối những năm 1980, tỉnh đã bắt tay vào công cuộc phục hồi rừng bằng cách trồng các loài cây mọc nhanh như bạch đàn và keo. Độ che phủ rừng tăng nhanh từ 98.000 ha năm 1989 lên 235.000 ha vào năm 2016. Tuy nhiên, chất lượng rừng nhìn chung thấp, trong rừng trồng, loài cây chủ yếu là keo nhưng chu kỳ khai thác ngắn để bán lấy dăm gỗ là chính và có giá trị kinh tế thấp. Trong khi đó, rừng tự nhiên vẫn tiếp tục bị suy giảm. Tài nguyên rừng Quảng Trị cũng phải đối mặt với áp lực ngày càng gia tăng từ các hoạt động canh tác nông nghiệp, trong đó đáng lo ngại nhất là việc mở rộng diện tích trồng sắn trên đất dốc.

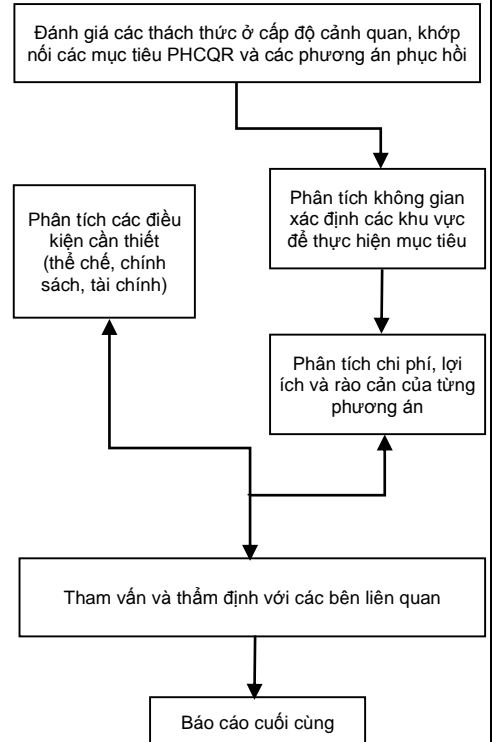
Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) đã phối hợp với Chi cục Lâm nghiệp tỉnh Quảng Trị để tiến hành một nghiên cứu sử dụng Phương pháp luận Đánh giá Cơ hội Phục hồi cảnh quan rừng (ROAM) nhằm chỉ ra các cơ hội phục hồi cảnh quan rừng (PHCQR) tại địa phương này. Qua các tham vấn với các bên liên quan tại địa phương, nhóm nghiên cứu chỉ ra ba mục tiêu PHCQR cần đạt được là:

1. Nâng cao chất lượng và đa dạng sinh học rừng.
2. Bảo tồn và cải thiện các dịch vụ hệ sinh thái (bao gồm bảo vệ nguồn nước, phòng chống xói mòn và tạo sinh cảnh cho đa dạng sinh học)
3. Cải thiện sinh kế cho người dân địa phương nhằm giảm động cơ xâm lấn đất rừng.

### Hộp: Phương pháp ROAM thực hiện tại Quảng Trị

Phương pháp ROAM do IUCN và Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) phát triển nhằm xác định các điều kiện và thông tin có thể giúp cải thiện quản lý cảnh quan; phương pháp này là một tiếp cận có sự tham gia, lặp lại vào các thời điểm cần thiết. Các hợp phần chính được áp dụng trong nghiên cứu này bao gồm:

- **Các thách thức PHCQR:** IUCN tiến hành nghiên cứu xác định quy mô vào tháng 7/2016 qua các cuộc họp với các cơ quan cấp trung ương và tỉnh. Tháng 10/2016, hội thảo khởi động đã được tổ chức tại Quảng Trị và Hà Nội để xác định các mục tiêu và mô hình PHCQR.
- **Phân tích không gian:** Sử dụng GIS để xác định các vùng ưu tiên PHCQR. Hoạt động này xây dựng các bộ số liệu về che phủ đất, rừng, độ cao, độ dốc, lưu vực, các khu đa dạng sinh học, quyền sử dụng rừng, và khí hậu. Các bộ số liệu được đưa vào hệ thống GIS để xác định các cơ hội.
- **Các cơ hội PHCQR:** Các phương án xác định được phân tích dựa trên chi phí, lợi ích và rào cản. Nhóm đã đến làm việc tại Quảng Trị vào tháng 5/2017 để thực hiện các phỏng vấn với các nhóm cung cấp thông tin quan trọng.
- **Các điều kiện cần thiết:** Công cụ Phân tích Phục hồi Nhanh của WRI/IUCN được sử dụng để xác định các thách thức về thể chế và chính sách; và bổ sung vào đó là một phân tích tài chính để xác định các nguồn kinh phí thực hiện.
- **Thẩm định:** Các kết quả và kết luận được thẩm định trong một hội thảo với các bên liên quan vào tháng 1/2018.



## Các phương án Phục hồi Cảnh quan Rừng

Phục hồi cảnh quan rừng (PHCQR) ngày càng được thừa nhận rộng rãi là công cụ quan trọng để phục hồi các diện tích lớn đã mất hoặc xuống cấp trong khi vẫn đóng góp tích cực cho kinh tế quốc gia và địa phương, tăng cường đáng kể lượng carbon hấp thụ, cải thiện các nguồn cung cấp thực phẩm và nước sạch, đồng thời giúp bảo tồn đa dạng sinh học.

Bốn phương án PHCQR được xác định có thể giúp đạt được các mục tiêu trên: (1) làm giàu rừng và xúc tiến tái sinh tự nhiên tại các vùng rừng tự nhiên đã bị xuống cấp (EP/ANR); (2) kéo dài chu kỳ khai thác (ER) và (3) đưa các loài bản địa vào rừng trồng (NSI); và (4) bảo tồn đất và nước tại các vùng canh tác nông nghiệp không có tưới tiêu chủ động (SWC).

- *Trồng bổ sung làm giàu rừng/xúc tiến tái sinh tự nhiên (EP/ANR)* được sử dụng để tăng mật độ của các loài cây mong muốn trong rừng tự nhiên bị suy thoái và bảo vệ và bảo tồn cây giống tự nhiên trong các khu vực đất rừng; những kỹ thuật này cải thiện chất lượng rừng và đa dạng sinh học, giảm xói mòn, cải thiện chất lượng nước và có thể cung cấp nguồn thu nhập thay thế cho nông dân/ chủ đất.
- *Kéo dài chu kỳ khai thác (ER)* là về việc chuyển đổi trồng rừng keo chu kỳ ngắn sang chu kỳ dài hơn để giảm xói mòn đất nhờ giảm thời gian đất bị bỏ trống sau thu hoạch; kỹ thuật này làm giảm bồi lắng trầm tích và cải thiện chất lượng nước, đồng thời tăng thu nhập từ việc bán gỗ có giá trị cao.
- *Trồng các loài bản địa (NSI)* được sử dụng trong các khu vực trồng keo đơn loài để trồng thêm các loài cây bản địa nhằm gia tăng giá trị sinh thái. Phương pháp này mang lại lợi ích tương tự như kéo dài chu kỳ khai thác nhưng nhấn mạnh hơn tới giá trị đa dạng sinh học.
- *Bảo tồn đất và nước (SWC)*: đây là các biện pháp giúp giảm mất đất do xói mòn và tăng khả năng trữ nước trong các hoạt động nông nghiệp, như sử dụng phân bón, trồng xen canh và làm rào chắn đất ngang dốc; những biện pháp này cũng giúp gia tăng năng suất canh tác nông nghiệp.

## Các khu vực ưu tiên PHCQR

Các vùng ưu tiên PHCQR được xác định bằng phân tích GIS, trong đó đánh giá các khu vực trên các khía cạnh liên quan đến ba tiêu chí: chất lượng và đa dạng sinh học rừng, chất lượng nước ở các lưu vực chính, và nguy cơ xói mòn ở các vùng đất dốc. Bảng sau tóm tắt kết quả phân tích trên.

Tổng diện tích có tiềm năng thực hiện PHCQR là gần 54.000 ha, tương đương 11% tổng diện tích của tỉnh (đã tính gần 1.100 ha chồng lấp giữa các khu vực được lựa chọn).

Khu vực phục hồi	Phương án can thiệp	Độ che phủ đất	Diện tích (ha)	Tổng (ha)
Rừng đặc dụng (chất lượng thấp)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phục hồi rừng tự nhiên thông qua trồng bổ sung làm giàu rừng/ xúc tiến tái sinh tự nhiên tại rừng bị suy thoái, với ngân sách từ PES</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Rừng thường xanh nghèo</li> <li>• Đất trống cây gỗ rải rác</li> </ul>	2.197 4.106	6.303
Hành lang đa dạng sinh học (các khu vực được chọn)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phục hồi rừng tự nhiên thông qua trồng bổ sung làm giàu rừng/ xúc tiến tái sinh tự nhiên tại rừng nghèo và các khu vực được lựa chọn (và sẽ được chuyển đổi) khác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Rừng thường xanh nghèo</li> <li>• Đất trống cây gỗ rải rác</li> <li>• Rừng trồng</li> <li>• Đất nông nghiệp (không có tưới tiêu chủ động)</li> <li>• Các diện tích chuyển tiếp</li> </ul>	1.383 2.365 497 2.753	9.879
			2.881	
Trồng rừng đầu nguồn tại lưu vực sông chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kéo dài chu kỳ khai thác và/hoặc trồng cây bản địa (và FSC)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Rừng keo do các chủ đất lớn quản lý</li> </ul>	9.541	13.533

Khu vực phục hồi	Phương án can thiệp	Độ che phủ đất	Diện tích (ha)	Tổng (ha)
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kéo dài chu kỳ khai thác và/hoặc trồng cây bản địa (và FSC)</li> <li>Kéo dài chu kỳ khai thác và FSC</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rừng keo do hộ gia đình quản lý (&gt; 10 ha)</li> <li>Rừng keo do hộ gia đình quản lý (3-10 ha)</li> </ul>	1.332 2.660	
Đất nông nghiệp (không có tưới tiêu chủ động) có nguy cơ xói mòn cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảo tồn đất và nước thông qua việc sử dụng phân bón, xen canh và hàng rào chắn ngang dốc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nông nghiệp (không có tưới tiêu chủ động) có nguy cơ xói mòn cao, đặc biệt là các khu vực trồng sắn</li> </ul>	24.975	24.975

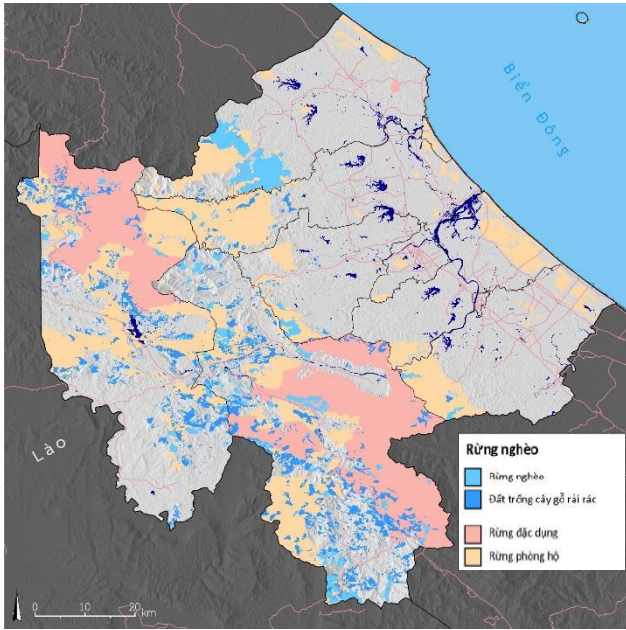
*Ghi chú: PES = chi trả cho các dịch vụ hệ sinh thái; FSC = Hội đồng quản lý rừng bền vững; 1.042 ha nông nghiệp (không có tưới tiêu chủ động) có nguy cơ xói mòn cao và 36 ha rừng trồng thượng nguồn các lưu vực sông chính nằm trong hành lang đa dạng sinh học*

Chất lượng rừng tự nhiên được đánh giá dựa trên loại rừng, tuổi và chất nền. Để PHCQR, “rừng thường xanh nghèo” và “đất trống cây gỗ rải rác” trong các khu rừng đặc dụng được ưu tiên phục hồi bằng phương pháp trồng bổ sung làm giàu rừng / xúc tiến tái sinh tự nhiên vì việc bảo vệ rừng sẽ dễ dàng hơn trong các khu bảo tồn thiên nhiên (Bản đồ 1). Để giảm sự chia cắt của rừng và tăng cường đa dạng sinh học, cần hình thành một hành lang giữa hai khu bảo tồn biển ở phía tây bắc và phía nam của tỉnh để kết nối rừng tự nhiên và cho phép các loài động vật hoang dã di chuyển giữa hai khu bảo tồn.

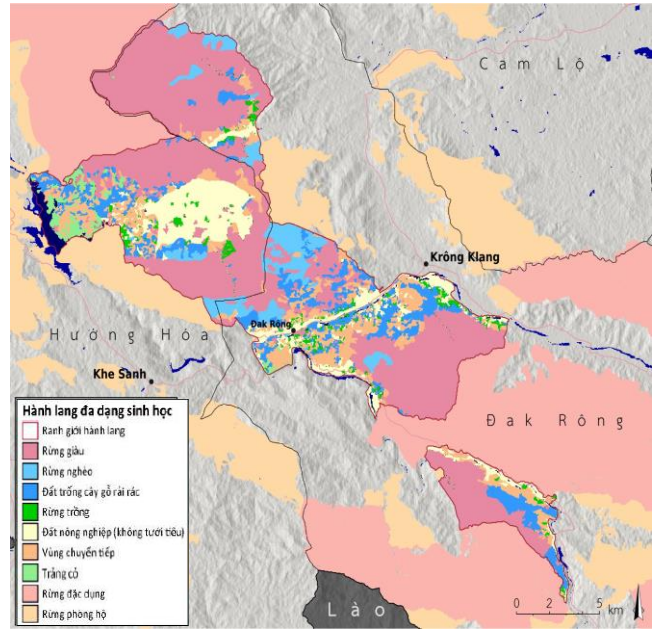
Các khu vực rừng trồng có chu kỳ khai thác ngắn và liên tục trong thời gian dài thường làm đất dễ bị xói mòn. Để giảm mất đất và các tác động lên chất lượng nước, cần kéo dài chu kỳ khai thác và khu vực có tiềm năng thực hiện phương án này là rừng đầu nguồn của các lưu vực sông chính. 16.674 ha rừng keo cũng được xác định là khu vực tiềm năng cho PHCQR. Tuy nhiên, diện tích này không bao gồm 3.141 ha rừng keo do các hộ gia đình có dưới 3ha quản lý vì trồng rừng gỗ lớn, chu kỳ khai thác dài không khả thi về kinh tế đối với các chủ rừng nhỏ (Bản đồ 3).

Việc kéo dài chu kỳ khai thác được đề xuất đối với tất cả các lô rừng trồng có diện tích >3 ha. Việc đưa thêm vào trồng các loài cây gỗ bản địa chỉ được đề xuất với các khu vực rừng trồng có diện tích >10 ha do hoạt động này cần có thời gian dài hơn mới có thể thu được lợi nhuận từ đầu tư. Do nhu cầu gỗ hợp pháp ngày càng cao cho ngành sản xuất nội thất, chứng chỉ FSC sẽ phù hợp với rừng trồng cây gỗ ở tất cả các kích cỡ (trừ gỗ dăm). Các ưu điểm mà chứng chỉ FSC mang lại có thể sẽ đặc biệt quan trọng đối với các vùng rừng trồng có diện tích nhỏ của các hộ gia đình.

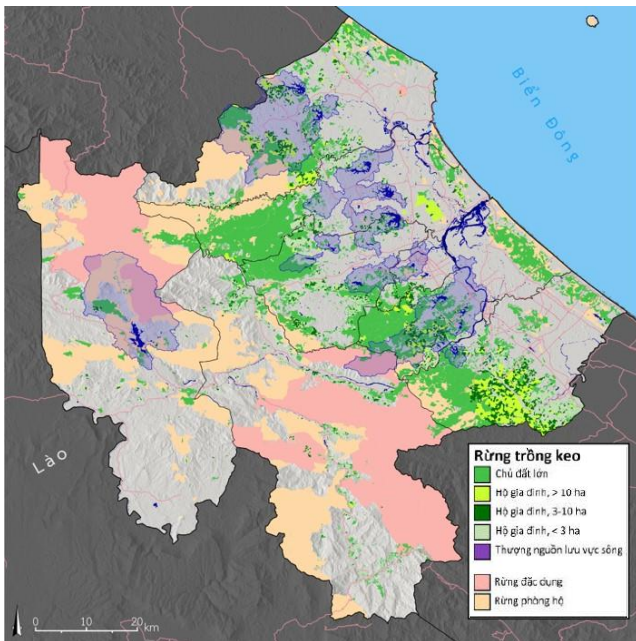
Một mô hình GIS, Phương trình Tổn thất Đất Đồng nhất (RUSLE), được sử dụng để lập bản đồ các vùng có nguy cơ xói mòn đất cao. RUSLE sử dụng lượng mưa tối đa, độ dài của dốc và độ dốc, và khả năng bị xói mòn của các kiểu che phủ đất khác nhau. RUSLE cho thấy gần như toàn bộ 27% đất nông nghiệp không có tưới tiêu chủ động tương đương gần 25.000 ha, là nơi có nguy cơ xói mòn cao. Hầu hết diện tích này nằm ở vùng núi phía tây và nam của tỉnh, chủ yếu tại huyện Hướng Hóa là vùng trồng sắn chính của Quảng Trị. Khoảng 11.600 ha khác ở vùng chuyển tiếp được xác định có nguy cơ xói mòn cao nằm gần cả hai khu rừng đặc dụng (đặc biệt là phía Nam) đều thể hiện nhiều dấu hiệu các hoạt động của con người. Do đặc tính di động và quy mô nhỏ lẻ của hoạt động canh tác nông nghiệp (chủ yếu là đốt nương làm rẫy) trong khu vực này, nên rất khó tìm ra được giải pháp phù hợp giải quyết nguy cơ này nhưng vấn đề này rất cần được quan tâm giải quyết (Bản đồ 4).



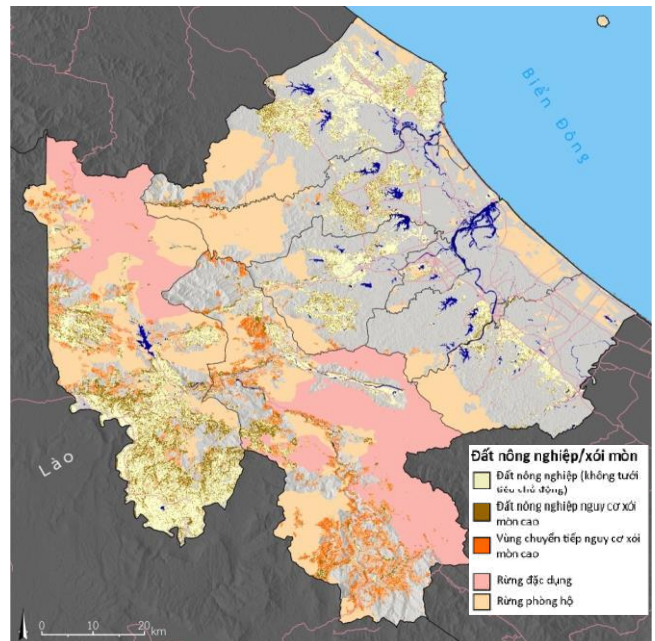
Bản đồ 1: Rừng nghèo



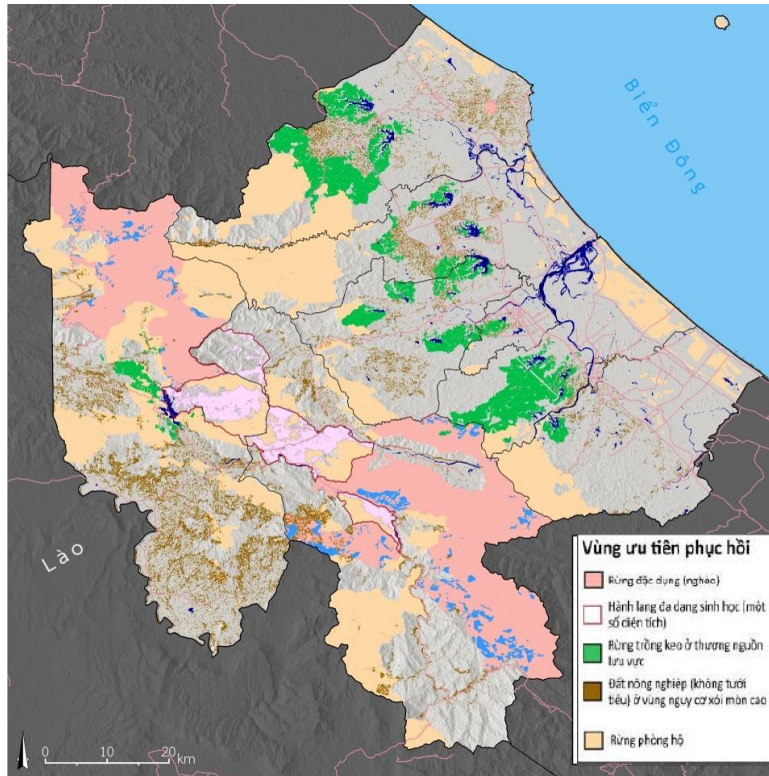
Bản đồ 2: Hành lang đa dạng sinh học



Bản đồ 3: Rừng trồng đầu nguồn các lưu vực sông chính



Bản đồ 4: Khu vực xói mòn do canh tác nông nghiệp và rủi ro cao



Bản đồ 5: Các khu vực ưu tiên phục hồi tại Quảng Trị

## Lợi ích, chi phí và các thách thức

Các phương án PHCQR được đánh giá trên các mặt lợi ích, chi phí và các rào cản. Việc làm giàu rừng và xúc tiến tái sinh tự nhiên sẽ có hiệu quả trong việc phục hồi rừng tự nhiên đã bị xuống cấp và cải thiện đa dạng sinh học. Tuy nhiên, chi phí thực hiện phương án này tương đối cao và rất biến động, phụ thuộc vào số lượng nhân công tham gia, và sự thành công phụ thuộc nhiều vào việc duy trì và theo dõi sau can thiệp.

Có nhiều giải pháp đã được thảo luận để chuyển đổi các vùng rừng trồng keo chu kỳ khai thác ngắn. Một công ty tư vấn là Unique Forestry đã phát triển các mô hình (1) chu kỳ khai thác dài hơn (11 năm) và (2) đưa vào các loài cây gỗ bản địa (từng bước thay thế cây keo trong 12 năm đầu tiên). Nhờ giảm thời gian để đất trống, chu kỳ khai thác dài hơn cũng giúp giảm xói mòn đất. Tuy nhiên, chi phí đầu tư lớn và thời gian sinh lợi quá lâu đã hạn chế sự phù hợp của phương án này khi nhân rộng mô hình này tới các khu vực có diện tích lớn. Không giống như gỗ dăm, chuỗi giá trị cho các sản phẩm gỗ nội thất hiện tại chưa được phát triển, nhất là đối với các loài bản địa có giá trị kinh tế cao.

Để giải quyết các tác động của xói mòn đất tại các vùng sản xuất nông nghiệp, một số phương thức bảo tồn đất và nước đã được xác định: sử dụng phân bón, trồng xen canh, và thiết lập các rào chắn ngang dốc. Tuy đây là giải pháp được phân tích cho các vùng trồng sắn, nhưng chúng cũng có thể áp dụng cho các khu vực khác. Sử dụng phân bón và trồng xen (với keo, đậu xanh và lạc) giúp nâng cao năng suất, kéo dài thời gian trữ nước, và giảm mất đất. Việc sử dụng phân bón phù hợp với sắn cho phép trồng sắn luân phiên và hòa vốn trong hai năm. Việc trồng xen có lợi về mặt tài chính, tuy nhiên lại tốn công lao động. Rào chắn ngang dốc đặc biệt hiệu quả trong việc ngăn chặn xói mòn tại các sườn dốc cao nhưng phải tốn nhiều thời gian mới mang lại năng suất cao.

Tất cả các phương án PHCQR nói trên đều cải thiện việc hấp thụ carbon. Tính trên đơn vị diện tích, lượng hấp thụ carbon thu được cao nhất là từ tái sinh rừng tự nhiên. Nhưng xét về khía cạnh tổng hấp thụ carbon trong giai đoạn 25-30 năm, lượng thu được cao nhất sẽ từ việc cải thiện canh tác nông nghiệp do đây là loại hình sử dụng đất có tổng diện tích lớn nhất. Đây là một luận điểm quan trọng trong tiếp cận cảnh quan của PHCQR.

## Các điều kiện cần thiết

Bốn yếu tố được xác định là tối quan trọng cho PHCQR thành công là: (1) sự tích cực của các bên tham gia chủ chốt; (2) năng lực và nguồn lực để thực hiện; (3) chính sách hỗ trợ và thực thi; và (4) khả năng tiếp cận thị trường và các chuỗi giá trị.

Tại Việt Nam, những nhân tố này vừa hỗ trợ lại vừa là rào cản đối với PHCQR. Ví dụ, sự đảm bảo về quyền sử dụng đất sẽ khuyến khích người nông dân đầu tư vào các loài cây gỗ có giá trị cao hơn. Nhưng nhu cầu cần có thu nhập ngắn hạn buộc người nông dân phải phụ thuộc vào việc trồng keo ngắn ngày để lấy gỗ dăm có giá trị thấp. Tương tự, việc đóng cửa rừng thường có xu hướng tạo ra khai thác không bền vững, người dân chỉ khai thác nhanh thay cho việc khai thác rừng tự nhiên một cách bền vững để mang lại lợi nhuận cao như cách các dự án của KfW đã chứng minh.

Một vấn đề cụ thể ở Quảng Trị là các mô hình trồng keo để phục hồi rừng đã rất thành công từ những năm 1980. Điều này giúp tăng độ che phủ rừng và phủ xanh đất trống. Tuy nhiên, việc trồng đơn loài trên quy mô lớn dẫn đến nguy cơ dễ bị sâu bệnh, làm suy giảm chất lượng rừng trồng và rủi ro thị trường lớn. Việc cả ngành lâm nghiệp gần như chỉ tập trung vào phát triển keo, từ nghiên cứu đến khuyến lâm và thị trường, trở nên “keo hóa”, điều này hạn chế tầm nhìn của tỉnh để có thể nâng cao chuỗi giá trị bằng cách đầu tư vào rừng gỗ lớn (chu kỳ khai thác dài hơn) và trồng rừng bằng các loài cây gỗ bản địa. Nhưng ngay cả trồng rừng bằng các loài bản địa thì hiện tại cũng còn rất thiếu năng lực và công nghệ kỹ thuật để sản xuất giống cây có chất lượng cao, kỹ thuật lâm sinh (ngoài “trồng và chặt”) tại địa phương còn yếu hay chưa có chứng nhận chất lượng giống.

Trong ngành nông nghiệp, việc mở rộng trồng sản trên các đồi dốc đã đe dọa rừng tự nhiên (khi đốt rừng để tạo màu cho đất) và làm tăng xói mòn đất. CIAT đã thử nghiệm hàng loạt các biện pháp bảo tồn đất và nước ở Việt Nam, tuy nhiên việc áp dụng các biện pháp này đều rất ít, một phần là do đòi hỏi công lao động cao và năng suất không chắc chắn sẽ tăng và chi phí đầu vào có thể cao. Đây cũng chính là công việc mà nhà nước cần phát huy vai trò quan trọng của mình trong việc bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên còn lại và tổ chức tập huấn, hướng dẫn giúp nông dân thâm canh một cách bền vững nhưng vẫn tạo cơ hội tiếp cận tài nguyên cho người dân.

Các rào cản chính đối với PHCQR không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn là tài chính, chính sách và thể chế. Trừ trồng bổ sung làm giàu rừng/xúc tiến tái sinh, tất cả các phương án PHCQR đều có thể mang lại lợi ích kinh tế, tuy nhiên thời gian cần để có thể thu lợi tương đối dài và trong một số trường hợp cần có suất đầu tư ban đầu cao, và điều này vượt quá khả năng của người nông dân. Đây là thiếu hụt mà nhà nước có thể đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết nút thắt về tài chính để giúp ngành lâm nghiệp có thể phát huy hết tiềm năng của ngành.

Một trong những rào cản chính sách lớn là việc theo đuổi các mục tiêu số lượng trong ngành lâm nghiệp ở cấp quốc gia. Ở tầm quốc gia, độ che phủ rừng trên thực tế là đã tăng, nhưng hầu hết là do tăng diện tích rừng trồng với các loài cây mọc nhanh nhập ngoại, nhất là cây keo. Trong thời gian 2005 và 2015, Quảng Trị đã mất 35.000 ha rừng tự nhiên nhưng được bù đắp bởi việc trồng 57.00 ha nên diện tích rừng vẫn tăng 22.000 ha. Các diện tích rừng trồng này có giá trị đa dạng sinh học rất thấp và trong trường hợp ở Quảng Trị, nó làm cho đất lâm nghiệp bị đổi mặt với nguy cơ xói mòn cao hơn do chu kỳ khai thác ngắn. Việc chuyển ưu tiên từ số lượng sang chất lượng đòi hỏi có những cải cách ở các cấp cao nhất. Luật Lâm nghiệp mới năm 2017 sẽ mở ra cơ hội để xây dựng các thông tư và nghị định hướng dẫn và đây có thể là cơ hội để thúc đẩy PHCQR.

## Các kết luận và khuyến nghị

Thực hiện PHCQR trên 54.000 ha ưu tiên mà đánh giá này đã chỉ ra có thể cải thiện đáng kể chất lượng rừng và sinh kế cho người dân nông thôn ở Quảng Trị, đồng thời làm cho cộng đồng và nền kinh tế này có sức chống chịu cao hơn trước các tác động của biến đổi khí hậu. Để thực hiện PHCQR thành công sẽ cần phải cải thiện kiến thức, năng lực kỹ thuật và các chính sách khuyến khích. Chính phủ sẽ cần đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy chuyển đổi từ số lượng sang chất lượng bằng cách hợp tác với các doanh nghiệp, hỗ trợ hình thành các chuỗi giá trị cho lâm sản và gỗ mới, bảo vệ nghiêm ngặt các khu rừng tự nhiên còn lại, hỗ trợ người dân có chứng nhận tập thể, có bảo hiểm nông lâm nghiệp khi xảy ra thiên tai và sử dụng dịch vụ chi trả môi trường rừng để có ngân sách hỗ trợ thâm canh sản bền vững.

Để làm được những điều này, chúng tôi đưa ra các khuyến nghị sau:

- **Tầm nhìn và chính sách mới:** Quảng Trị, và có thể cả một số tỉnh lân cận, cần xây dựng một tầm nhìn thực hiện PHCQR trong đó phải bao gồm bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên còn lại, định hướng lại việc trồng rừng theo hướng sản xuất gỗ có chứng chỉ FSC cho thị trường xuất khẩu, và chuyển đổi từ trồng rừng keo đơn loài sang trồng xen với các loài cây gỗ bản địa. Quá trình chuyển đổi này sẽ cần thời gian khoảng 20 - 30 năm, sẽ giúp cho việc tăng trữ lượng carbon, bảo tồn đất và nước, và tăng các giá trị đa dạng sinh học. Điều này cũng phù hợp với các mục tiêu REDD+ và các mối quan tâm ngày càng lớn ở tầm quốc gia về chất lượng môi trường và tăng trưởng xanh. Nhóm nghiên cứu kỹ vọng chính quyền tỉnh sẽ có thể xây dựng được những khung chính sách mới trong chiến lược phát triển của địa phương mình dựa trên những khuyến nghị của đánh giá này.
- **Đổi mới về cơ cấu tài chính:** Quảng Trị có thể gỡ bỏ các rào cản tài chính đối với quá trình chuyển đổi ngành lâm nghiệp theo nhiều cách thức khác nhau. Tỉnh có thể làm việc với Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam và các nguồn quỹ khác của Nhà nước để cung cấp tín dụng cho các hộ gia đình mong muốn được đầu tư vào việc kéo dài chu kỳ khai thác và trồng cây gỗ bản địa. Việc kéo dài chu kỳ khai thác có lẽ sẽ phù hợp với các hộ có diện tích đất trồng rừng lớn hơn 3 ha và trồng xen các loài cây gỗ bản địa cần diện tích lớn hơn 10 ha. Tỉnh cũng có thể cải thiện việc đặt ra các mục tiêu và giám sát Chi trả cho các dịch vụ hệ sinh thái nhằm tạo động lực đủ lớn để hạn chế việc phá rừng và suy thoái rừng, hay bắt đầu thí điểm Chi trả cho các dịch vụ hệ sinh thái ở các khu vực cung cấp những dịch vụ hệ sinh thái quan trọng nhưng nằm ngoài các khu vực quản lý rừng truyền thống (ví dụ, khu vực có các hàng rào chắn ngang dốc trong nông nghiệp). Ngoài ra, chính phủ có thể thiết lập các chương trình bảo hiểm nhằm giảm thiểu rủi ro của chu kỳ khai thác dài và trồng cây bản địa, và/hoặc khuyến khích nông dân thâm canh bền vững một số loài cây như sắn. Chính phủ có thể đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối các nhân tố trong chuỗi giá trị nhằm tạo ra các cơ chế mà doanh nghiệp chế biến gỗ giúp nông dân vượt qua các khó khăn về kỹ thuật và tài chính để đạt được chứng nhận FSC trong khi vẫn đảm bảo cung cấp gỗ ổn định và chất lượng cao.
- **Cải thiện chất lượng khuyến nông, khuyến lâm:** Trồng xen canh, làm rào chắn ngang dốc, và các biện pháp khác đã chứng tỏ khả năng giảm mất đất, duy trì dinh dưỡng đất, và tăng năng suất. Tuy nhiên, việc này diễn ra khá chậm, chủ yếu do thiếu hiểu biết chính xác về chi phí và lợi ích. Tỉnh Quảng Trị nên phát triển các mô hình thử nghiệm và tổ chức các chuyến tham quan học tập tới các mô hình đã thành công tại các tỉnh thành khác để khuyến khích người dân áp dụng và thực hành thâm canh bền vững, nhất là với cây sắn. Hỗ trợ của nhà nước trong việc đảm bảo nguồn cung phân bón ổn định cho cây sắn có thể là điều kiện để nông dân áp dụng các phương thức canh tác này và dừng hẳn việc phá rừng tự nhiên. Ngoài ra cũng cần có các chuyến học tập các mô hình quản lý rừng bền vững. Đối với các hộ có diện tích rừng trồng nhỏ hơn 3 ha, tỉnh có thể hỗ trợ họ trong việc duy trì chứng chỉ FSC cho nhóm hộ, có thể qua việc điều phối các công ty sản xuất gỗ đang có nhu cầu đảm bảo nguồn cung cho công ty. Do các nhóm hộ này chỉ tập trung vào trồng keo, tỉnh có thể hỗ trợ người dân về giống và chi phí chăm sóc cây bản địa để họ có thể thâm nhập vào các mắc-xích cao hơn trong chuỗi giá trị.

## Liên hệ

Jake Brunner,

Trưởng nhóm Đông Nam Á và Myanmar

Quyền trưởng đại diện Văn phòng IUCN Việt Nam

Tầng 1, nhà 2A, Khu ngoại giao đoàn Vạn Phúc, 298 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Email: [jake.BRUNNER@iucn.org](mailto:jake.BRUNNER@iucn.org)

Để biết thêm thông tin về phương pháp ROAM và PHCQR, vui lòng truy cập: <https://www.iucn.org/theme/forests/our-work/forest-landscape-restoration>